|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GD&ĐT TAM DƯƠNG  **TRƯỜNG MẦM NON HOA SEN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /KH-MNHS | *Đồng Tĩnh, ngày tháng 10 năm 2016* |

**KẾ HOẠCH**

**Phát triển nhà trường 5 năm giai đoạn 2016-2020**

Căn cứ Luật Giáo dục năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục năm 2009;

Căn cứ Quyết định số 711/QĐ-TTg ngày 13/6/2012 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược phát triển giáo dục 2011-2020;

Thực hiện Kế hoạch 4664/KH-UBND ngày 27/8/2014 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về thực hiện Chương trình hành động số 66/CTr/TU ngày 27/1/2014 của BCH Đảng bộ tỉnh và Chương trình hành động số 20/CTr/HU ngày 23/01/2014 của Huyện ủy Tam Dương thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW “về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”;

Căn cứ công văn số 282/PGDĐT, này 20 tháng 7 năm 2016 về báo cáo thực trạng quy mô trường lớp, giáo viên; cơ sở vật chất, thiết bị đến tháng 06-2016, nhu cầu đến 2020 và xây dựng Kế hoạch phát triển nhà trường đến năm 2020;

Căn cứ tổng điều tra độ tuổi và nhu cầu trẻ trong độ tuổi mầm non đến trường trên địa bàn xã Đồng Tĩnh.

Trường MN Hoa Sen xây dựng kế hoạch phát triển nhà trường giai đoạn 2016-2020 như sau:

**Phần I**

**PHÂN TÍCH BỐI CẢNH VÀ THỰC TRẠNG NHÀ TRƯỜNG**

**I. Khái quát đặc điểm tình hình của địa phương**

Đồng Tĩnh là môt xã miền núi nằm ở phía Bắc huyện Tam Dương; Phía Đông của xã giáp với xã Hoàng Hoa; Phía Tây giáp xã Liên Hòa huyện Lập Thạch; phía Đông Bắc giáp Đại Đình huyện Tam Đảo và xã Thái Hòa huyện Lập Thạch; Phía Nam giáp xã An Hòa huyện Tam Dương.

Diện tích đất tự nhiên của xã 1036.08 ha, được chia làm 14 khu hành chính, dân số của xã 3120 hộ với 11.800 nhân khẩu (số liệu năm 2015).

Tuy là một xã còn gặp nhiều khó khăn về kinh tế, sản xuất chủ yếu là nông nghiệp nhưng HĐND - UBND xã, các tổ chức đoàn thể trong xã luôn quan tâm, đầu tư mảng văn hóa – xã hội đặc biệt là đầu tư cho giáo dục. Hiện nay trên địa bàn xã có 01 trường THCS, 02 trường tiểu học và 02 trường mầm non.

Trong những năm quaĐảng ủy và chính quyền địa phương xã Đồng Tĩnh rất quan tâm đến việc thực hiện chương trình mục tiêu Quốc gia về công tác giáo dục trên địa bàn, cụ thể đối với trường MN Hoa Sen:

- Quan tâm đầu tư giải phóng mặt bằng với diện tích 9.100m2 cho trường ở khu 9 – Phần Thạch.

- Tham mưu với UBND huyện đầu tư cơ sở vật chất xây 01 dãy nhà lớp học 2 tầng với 6 phòng học khép kín, 01 bếp ăn đảm bảo tiêu chuẩn quy trình bếp ăn một chiều.

- Được sự quan tâm của Đảng ủy xã Đồng Tĩnh nhà trường đã thành lập được Chi bộ riêng từ năm 2008 với 4 đồng chí Đảng viên nên thuận lợi cho việc lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát các hoạt động dạy và học trong nhà trường một cách có hiệu quả. Đến thời điểm tháng 10 năm 2016 chi bộ trường mầm non Hoa Sen đã có 09 Đảng viên (08 chính thức, 01 dự bị).

Trường mầm non Hoa Sen trong năm học qua không những nhận được sự quan tâm của các cấp lãnh đạo đầu tư về cơ sở vật chất, trang thiết bị đạy học mà còn nhận được sự quan tâm của các bậc cha mẹ học sinh trong việc nâng cao chất lượng giáo dục trẻ:

Măc dù đời sống của người dân xã Đồng Tĩnh còn gặp nhiều khó khăn nhưng phần lớn các bậc cha mẹ học sinh rất quan tâm đến việc học tập của con em và đã phối hợp tốt với nhà trường trong việc nâng cao chất lượng giáo dục.

Ban đại diện cha mẹ học sinh của trường tổ chức sinh hoạt định kỳ, phối hợp với lãnh đạo nhà trường trong thực hiện việc chăm sóc, giáo dục trẻ, tạo điều kiện hỗ trợ cho giáo viên và trẻ tham gia tốt các phong trào trong nhà trường và ngành tổ chức. Quan tâm ủng hộ nhà trường đầu tư về cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, đặc biệt là các đồ dùng phục vụ bán trú (vì tỉ lệ trẻ bán trú tăng cao so với năm học trước).

Tuy nhiên, vì đời sống nhân dân còn gặp nhiều khó khăn nên nhiều phụ huynh phải đi làm ăn xa để con cho ông bà chăm sóc, điều này ảnh hưởng đến việc phối hợp giữa gia đình và nhà trường cũng như việc chăm sóc giáo dục đối với sự phát triển của trẻ.

**II. Thực trạng của nhà trường năm học 2015- 2016**

1. **Quy mô trường lớp**

Năm học 2015-2016 là năm đầu tiên trường mầm non Hoa Sen chuyển khu trung tâm lên địa điểm mới không còn phải thuê nhà dân. Số lớp, số trẻ tăng hơn so với năm học trước, cụ thể:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Nhóm, lớp** | **Tổng số nhóm, lớp** | **Tổng số trẻ** | **Ghi chú** |
| 1 | 24-36 tháng | 01 | 19 |  |
| 2 | 3-4 Tuổi | 4 | 164 |  |
| 3 | 4-5 Tuổi | 4 | 122 |  |
| 4 | 5-6 Tuổi | 4 | 128 |  |
| **Tổng** | | **13** | **433** |  |

**\*Ưu điểm**

Năm học 2015 – 2016 theo kế hoạch Phòng giao nhà trường: 13 nhóm, lớp = 379 trẻ. Trong đó nhà trẻ 2 nhóm = 50 trẻ, mẫu giáo 11 lớp = 329 trẻ ;

Nhà trường thực hiện: 13/13 nhóm, lớp đạt 100% với tổng số trẻ là 433/379= 114%.Trong đó:

- Nhà trẻ

Nhóm trẻ có 1 nhóm = 19 trẻ, đạt 42% so với độ tuổi và đạt 98% so với kế hoạch phòng giao.

- Mẫu giáo

Huy động ra lớp: 414 trẻ. Trẻ ra lớp được chia ra các độ tuổi:

Lớp mẫu giáo 3-4 tuổi: 4 lớp = 163 cháu

Lớp mẫu giáo 4-5 tuổi: 4 lớp = 128 cháu

Lớp mẫu giáo 5-6 tuổi: 4 lớp = 123 cháu

So với kế hoạch phòng giao đạt 414/379= 109%.

Sĩ số học sinh bình quân: 34,5 trẻ/lớp.

**\* Tồn tại**

Mặc dù đã được bổ sung 6 phòng học nhưng số lượng trẻ tăng cao nên nhà trường vẫn thiếu 2 phòng học phải học nhờ phòng đón trẻ, 03 phòng học đã xuống cấp... Số trẻ bình quân trên lớp mẫu giáo là 34,5 học sinh/lớp vượt quá so với định biên trẻ/lớp (Theo TT06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV Quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở mầm non Công lập).

**2. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên**

Năm học 2015-2016 trường mầm non Hoa Sen có tổng số 24 CB-GV-NV (không tính hợp đồng ngắn hạn) - Trong đó:

+ CBQL: 2 người – ĐH 2/2=100%

+ Giáo viên: 20 người trong đó:

- Đạt chuẩn: 12/20 = 60%

- Trên chuẩn: 6/20= 30%

- Chưa đạt chuẩn: 2/20= 10%

+ Nhân viên: 2 người trong đó

- Trên chuẩn: 1/2= 50%

- Đạt chuẩn: 1/2= 50%

\* Toàn trường có 09 đảng viên (Quản lý 02 - giáo viên 7 người )

\* Tổng số GV xếp loại theo chuẩn: - Xuất sắc: 7/20=35%

- Khá: 11/20= 55%

- Trung bình: 2/20=10%

**\* Ưu điểm**

- Tập thể sư phạm nhà trường là một khối đoàn kết, có ý thức tổ chức, kỷ luật, có tinh thần tự giác phấn đấu vươn lên.

- Đội ngũ cán bộ giáo viên đa số trẻ, khỏe nhiệt tình, được đào tạo cơ bản, có năng lực chuyên môn và kỹ năng sư phạm khá, tốt; nhiều giáo viên tự phấn đấu học tập nâng cao trình độ chuyên môn, 79% giáo viên biết ứng dụng CNTT trong việc soạn giảng.

- Các bậc phụ huynh ngày càng nhận thức rõ ràng hơn vai trò, trách nhiệm của mình và cùng phối hợp chặt chẽ với nhà trường để nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ.

**\* Hạn chế**

      - Nhà trường còn thiếu 01 CBQL; 02 giáo viên có tuổi chưa có trình độ chuẩn.

   - Một số ít giáo viên lớn tuổi, chưa linh hoạt trong việc tổ chức hoạt động còn mang tính áp đặt, cứng nhắc.

**3. Chất lượng chăm sóc giáo dục**

Được sự quan tâm của các cấp lãnh đạo, Chính quyền địa phương đã giải phóng mặt bằng, đầu tư xây dựng trường một dãy nhà 02 tầng và 6 phòng học mới, bếp ăn đảm bảo quy trình bếp ăn 01 chiều, cơ sở vật chất, trang thiết bị đồ dùng, đồ chơi, đồ dùng bán trú bước đầu dần ổn định, cơ bản đủ để đáp ứng nhu cầu phục vụ cho các hoạt động chăm sóc, giáo dục của nhà trường.

Trẻ đến trường có nề nếp thói quen tốt, sức khỏe tốt.

Không xảy ra trường hợp bị ngộ độc thức ăn.

Qua cân đo theo dõi trẻ bằng biểu đồ tăng trưởng kết quả đạt như sau:

**\*Cân nặng**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Nhóm/lớp | **Cao hơn độ tuổi** | **Bình thường** | **Suy DD vừa** | **Suy DD nặng** |
| - Nhóm trẻ: | 0 | 19/19 = 100% | 0 | 0 |
| - Mẫu giáo: | 1/414 = 0.2% | 390/414 = 94,3 % | 23/414 = 5,5% | 0 |
| **Toàn trường** | **1/433 = 0. 2%** | **409/433 = 94.5%** | **23/433 = 5,3%** |  |

**\*Chiều cao**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Nhóm/lớp | **Cao hơn độ tuổi** | **Bình thường** | **Thấp còi độ 1** | **Thấp còi độ 2** |
| - Nhóm trẻ: | 0 | 16/19 = 84,3% | 3/19 = 15,7% | 0 |
| - Mẫu giáo: | 0 | 387/414 = 93,5% | 27/414 = 6,5 % |  |
| **Toàn trường** | **0** | **404/433 = 93,3%** | **30/433 = 6,9%** |  |

Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng về cân nặng giảm so đầu năm là 4,9%

Tỷ lệ trẻ thấp còi giảm so đầu năm là 5,8%.

\* Chất lượng trẻ đạt tỷ lệ từ TB trở lên đạt 100%

- Bé chuyên cần đạt: 98 %

- Bé ngoan đạt: 97%.

- Bé sạch đạt: 96%.

100% trẻ 5T được học đúng chư­ơng trình giáo dục mầm non theo độ tuổi, tỷ lệ chuyên cần của trẻ 5 tuổi đạt 97,6%, bé sạch 98%, bé ngoan 98%. BGH luôn quan tâm chỉ đạo sát sao, có đánh giá thư­ờng xuyên theo tài liệu, chương trình đã hướng dẫn.

Qua kết quả khảo sát chất lượng trẻ của Phòng 100% trẻ từ 2-5 tuổi đạt khá tốt, không có trẻ xếp loại trung bình.

Tổ chức hội thi “Triển lãm tranh và trưng bày đồ dùng đồ chơi” cấp trường có 01 giải nhất, 02 giải nhì và 03 giải ba. Cấp huyện đạt 01 giải ba và toàn đoàn đạt giải khuyến khích.

Tổ chức Hội thi Giáo viên giỏi cấp trường: có 01 giải Nhất, 2 Giải Nhì và 03 giải Ba. Cấp huyện đạt 02 giải nhất, 01 giải nhì.

Bồi dưỡng giáo viên tham gia thiết kế bài giảng E-learning cấp tỉnh đạt 1 giải Nhất.

Cuối năm học 2015- 2016 nhà trường có 21 CBGV đạt danh hiệu LĐTT, 03 CBGV đạt danh hiệu CSTĐCS, 01 CBGV được Chủ tịch UBND tỉnh tặng bằng khen. Tập thể nhà trường xếp thứ 5/16 trường MN trong toàn huyện đạt TTLĐXS, Công Đoàn đạt vững mạnh.

**\* Ưu điểm**

100% các cháu ở khu trung tâm được tổ chức ăn bán trú nên thuận tiện cho việc đưa đón của phụ huynh cũng như công tác quản lý trẻ của nhà trường.

Các bậc cha mẹ học sinh nhiệt tình, tham gia vào các hoạt động của trường, động viên các cháu đi học đều, phối kết hợp chặt chẽ với nhà tr­ường để CSGD các cháu. Thực hiện đóng góp đầy đủ theo quy định, mua sắm đầy đủ đồ dùng học tập và đồ dùng cá nhân cho trẻ.

**\* Hạn chế**

Hầu hết các cháu 3 tuổi lần đầu ra lớp không qua nhà trẻ nên chưa có nề nếp, thói quen học tập.

Một số gia đình không gửi trẻ ăn bán trú nên buổi chiều thường ngại không đưa con đi học ảnh hưởng đến tỷ lệ chuyên cần của nhà trường.

**4. Cơ sở vật chất**

+ Thực trạng cơ sở vật chất năm học 2015- 2016

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Hạng mục - thiết bị** | **ĐV tính** | **Hiện có** |
| **I. Xây dựng cơ bản** | | | |
| 1 | Diện tích đất | m2 | 10.191 |
| 2 | Diện tích bình quân /trẻ | m2 | 23.3 |
| 3 | Phòng học kiên cố | Phòng | 8 |
| 4 | Phòng học bán kiến cố | Phòng | 3 |
| 5 | Phòng học nhờ | Phòng | 2 |
| 6 | Các phòng chắc năng | Phòng | 0 |
| 7 | Nhà bếp | m2 | 219 |
| 8 | Sân chơi có ĐCNT | Sân | 1 |
| 9 | Nhà vệ sinh đảm bảo tiêu chuẩn | Nhà | 7 |
| **II. Thiết bị dạy học tối thiểu** | | | |
| 1 | Lớp mẫu giáo 3 - 4 tuổi | Bộ | 1 |
| 2 | Lớp mẫu giáo 4-5 tuổi | Bộ | 1 |
| 3 | Lớp mẫu giáo 5-6 tuổi | Bộ | 1 |
| 4 | Số lượng đồ chơi ngoài trời | Chiếc | 5 |
| 5 | Số bộ đồ chơi ngoài trời | Bộ | 3 |
| 6 | Bộ liên hoàn lâu đài cầu trượt 2 xích đu | Bộ | 0 |
| 7 | Khu vui chơi liên hoàn 2 khối hình lâu đài | Khu | 0 |
| 8 | Khu vui chơi liên hoàn 3 khối đa năng | Khu | 0 |
| 9 | Bộ cầu trượt đa năng 1 khối | Bộ | 1 |
| 10 | Khu vui chơi liên hoàn 4 khối | Khu | 0 |
| 11 | Vườn cổ tích |  | 0 |
| 12 | Bộ đồ chơi phát triển vận động | Bộ | 0 |
| **Thiết bị dùng chung** | | | |
| 1 | Máy tính | Bộ | 2 |
| 2 | Máy chiếu | Chiếc | 1 |
| 3 | Thiết bị âm thanh (âm li, loa đài) | Bộ | 1 |
| 4 | Máy in | Chiếc | 2 |
| **IV. Đồ dùng bán trú** | | | |
| 1 | Tủ hấp cơm | Bộ | 1 |
| 2 | Tủ úp bát, xoong, nồi | Bộ | 0 |
| 3 | Tủ sấy bát, thìa | Chiếc | 0 |
| 4 | Tủ hấp khăn | Chiếc | 0 |
| 5 | Xe đẩy thức ăn | Chiếc | 1 |
| 6 | Máy xay thịt | Chiếc | 0 |
| 7 | Tủ lạnh |  | 0 |

**\* Ưu điểm**

Nhà trường tham mưu với chính quyền địa phương và phối kết hợp với phụ huynh học sinh quan tâm tốt hơn đến CSVC như: Xây mới 6 phòng học khép kín, phụ huynh ủng hộ may rèm cửa cho trẻ, mua đồ dùng bán trú, đồ dùng đồ chơi.

Diện tích đất 2 khu đảm bảo đủ theo quy định, bình quân đạt 23.3m2/trẻ.

**\* Hạn chế**

Thiếu 2 phòng học, 3 phòng bán kiên cố đã xuống cấp. Chưa có cổng, tường rào, hệ thống các phòng chức năng, phòng hành chính quản trị.

Đồ dùng, đồ chơi theo Thông tư số 02/2010/TT-BGDĐT còn thiếu

Trang thiết bị chăm sóc, giáo dục trẻ còn thiếu nhiều.

Khu trung tâm mới chưa có tường rào bao quanh, sân chơi không có cây xanh, không có đồ chơi.

**III. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

1. **Ưu điểm**

Nhà trường luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của các cấp lãnh đạo, chính quyền địa phương về đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học nên đến nay nhà trường có tương đối đầy đủ lớp học (6 phòng học khép kín, hiện đại), bếp ăn đảm bảo theo quy định bếp 1 chiều. Diện tích đất đảm bảo theo quy định.

Trường có Chi bộ riêng nên thuận tiện cho việc lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện nhiệm vụ.

Đội ngũ giáo viên tương đối ổn định về số lượng, có hộ khẩu ở xã Đồng Tĩnh nên không có sự luôn chuyển nhiều.

Cán bộ quản lý có trình độ chuyên môn trên chuẩn, đã qua các lớp chuyên môn nghiệp vụ và lý luận chính trị, có kinh nghiệm trong công tác quản lý. Công tác tổ chức triển khai kiểm tra đánh giá sâu sát, thực chất và đổi mới. Được sự tin tưởng cao của cán bộ, giáo viên, nhân viên. Dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm.

Các lĩnh vực khác về tổ chức quản lý tài chính, thanh tra, thi đua, Công đoàn, Chi đoàn nhà trường hoạt động đều đặn.

Phối kết hợp tốt với Ban đại diện cha mẹ học sinh trong tất cả các hoạt động chăm sóc, giáo dục của nhà trường.

Chất lượng và hiệu quả giáo dục đào tạo đã vươn lên đứng thứ 5 trong toàn huyện.

**2. Tồn tại, hạn chế**

Hệ thống các phòng chức năng chưa có.

Thiếu phòng học phải học nhờ phòng đón trẻ, phòng kho.

Chưa có hệ thống cổng, tường rào, cây xanh và đồ chơi ngoài trời.

Các trang thiết bị tuy đã được quan tâm đầu tư nhưng còn thiếu nhiều.

Nhà trường có 2 khu nên còn gặp nhiều khó khăn trong công tác quản lý, chỉ đạo;

Công tác xã hội hóa giáo dục trong nhà trường còn hạn chế, chưa huy động được nhiều sự đầu tư đặc biệt của các cơ quan, đơn vị, lực lượng xã hội đóng trên địa bàn xã về tài lực và vật lực để tu sửa trường lớp, khen thưởng động viên học sinh và giáo viên.

Nhiều giáo viên chưa tích cực, sáng tạo trong bài dạy, chưa biết ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác giảng dạy.

**3. Nguyên nhân tồn tại, hạn chế**

Trường mầm non Hoa Sen được tách ra từ trường mầm non Đồng Tĩnh năm 2008, khi tách trường chỉ có 9 nhóm lớp với 273 trẻ. Nhưng đến nay số trẻ tăng cao nên số phòng học cũng như diện tích phòng học chưa đảm bảo.

Công tác tham mưu với các cấp lãnh đạo chưa đạt hiệu quả như mong đợi.

Phụ huynh trên địa bàn xã Đồng Tĩnh chủ yếu là làm nông nghiệp, nguồn thu nhập không cao, không ổn định bên cạnh đó một số phụ huynh chưa quan tâm, chú trọng đến tầm quan trọn của việc giáo dục trẻ mầm non. Vì vậy hiệu quả công tác phối hợp để cùng chăm sóc giáo dục trẻ và công tác xã hội hóa giáo dục chưa cao.

Nhiều giáo viên do tuổi đời cao nên chưa tích cực học hỏi, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, trình độ CNTT để áp dụng vào công tác giáo dục trẻ.

**Phần II**

**KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NHÀ TRƯỜNG 5 NĂM**

**GIAI ĐOẠN 2016-2020**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mục tiêu chung**

Xây dựng nhà trường có cơ sở vật chất khang trang, hiện đại, đáp ứng mọi điều kiện chăm sóc, giáo dục trong giai đoạn mới. Trở thành trường trọng điểm chất lượng; là trung tâm văn hoá giáo dục của địa phương; là địa chỉ tin cậy để các bậc phụ huynh gửi con vào trường;

Phấn đấu xây dựng trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1 năm 2017; Xây dựng, phát triển các điều kiện để trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2, đạt kiểm định chất lượng cấp độ 3 vào năm 2020.

**2. Mục tiêu cụ thể**

**2.1. Quy mô trường lớp**

Quy mô trường, lớp giai đoạn 2016- 2020

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Nhóm, lớp** | **Giai đoạn 2016- 2020** | | | | | | | | | |
| **2015-2016** | | **2016- 2017** | | **2017- 2018** | | **2018- 2019** | | **2019-2020** | |
| TS nhóm, lớp | TST | TS nhóm, lớp | TST | TS nhóm, lớp | TST | TS nhóm, lớp | TST | TS nhóm, lớp | TST |
| 1 | 24-36 tháng | 1 | 19 | 1 | 29 | 2 | 50 | 4 | 100 | 5 | 125 |
| 2 | 3-4 Tuổi | 4 | 164 | 4 | 108 | 5 | 139 | 5 | 110 | 6 | 150 |
| 3 | 4-5 Tuổi | 4 | 122 | 6 | 176 | 5 | 121 | 5 | 139 | 5 | 175 |
| 4 | 5-6 Tuổi | 4 | 128 | 4 | 127 | 6 | 185 | 4 | 121 | 4 | 139 |
| **Tổng** | | **13** | **433** | **15** | **440** | **18** | **495** | **18** | **480** | **20** | **589** |

**2.2. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên giai đoạn 2016- 2020**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **ĐVT** | **Thực trạng  Năm học 2015- 2016** | **Mục tiêu đến năm 2020** | | | |
| **Năm học 2016-2017** | **Năm học 2017-2018** | **Năm học 2018-2019** | **Năm học 2019-2020** |
| 1 | Tổng số CB, GV, NV | Người | 24 | 35 | 41 | 41 | 45 |
| Trong đó: - Cán bộ quản lý | Người | 2 | 3 | 3 | 3 | 3 |
| + Hiệu trưởng | Người | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |
| + Phó hiệu trưởng | Người | 1 | 2 | 2 | 2 | 2 |
| - Giáo viên | Người | 20 | 30 | 36 | 36 | 40 |
| - Nhân viên | Người | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 |
| 2 | Số lượng CB, GV, NV là Đảng viên | Người | 9 | 10 | 13 | 16 | 18 |
| Trong đó: CBQL là đảng viên | Người | 2 | 2 | 3 | 3 | 3 |
| GV là đảng viên | Người | 7 | 8 | 9 | 11 | 13 |
| NV là đảng viên | Người | 0 | 0 | 1 | 2 | 2 |
| 3 | Số lượng CB, GV, NV có trình độ trung cấp LL CT | Người | 2 | 3 | 5 | 7 | 8 |
| Trong đó: CBQL | Người | 2 | 2 | 3 | 3 | 3 |
| Giáo viên | Người | 0 | 1 | 2 | 3 | 4 |
| Nhân viên | Người | 0 | 0 | 0 | 1 | 1 |
| 4 | Số lượng CBGVNV có trình độ đào tạo đạt chuẩn trở lên | Người | 22 | 33 | 41 | 41 | 44 |
| Tỷ lệ | % | 95% | 95% | 100% | 100% | 100% |
| Trong đó: CBQL | Người | 2 | 3 | 3 | 3 | 3 |
| Giáo viên | Người | 18 | 28 | 36 | 36 | 40 |
| Nhân viên | Người | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 |
| 5 | Số lượng CBGVNV có trình độ trên chuẩn | Người | 17 | 20 | 25 | 30 | 35 |
| Tỷ lệ | % | 94% | 48.7% | 58% | 69.7% | 72.9% |
| Trong đó: CBQL | Người | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 |
| Giáo viên | Người | 13 | 15 | 20 | 25 | 30 |
| Nhân viên | Người | 1 | 2 | 2 | 2 | 2 |
| 6 | Tổng số CB, GV xếp loại theo  chuẩn từ TB trở lên | Người | 22 | 33 | 41 | 41 | 44 |
| Trong đó: Hiệu trưởng | Người | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |
| Phó hiệu trưởng | Người | 1 | 3 | 2 | 2 | 2 |
| Giáo viên | Người | 20 | 30 | 38 | 38 | 40 |
| 7 | Số CB, GV xếp loại xuất sắc theo chuẩn | Người | 7 | 10 | 14 | 17 | 18 |
| Trong đó: Hiệu trưởng | Người | 0 | 0 | 1 | 1 | 1 |
| Phó hiệu trưởng | Người | 0 | 0 | 1 | 2 | 2 |
| Giáo viên | Người | 7 | 10 | 13 | 14 | 15 |
| 8 | Số CB, GV xếp loại khá theo chuẩn | Người | 13 | 21 | 27 | 24 | 27 |
| Trong đó: Hiệu trưởng | Người | 0 | 1 | 1 | 1 | 1 |
| Phó hiệu trưởng | Người | 0 | 1 | 2 | 2 | 2 |
| Giáo viên | Người | 8 | 19 | 24 | 21 | 24 |
| 9 | Số CB, GV xếp loại TB theo  chuẩn | Người | 2 | 2 | 0 | 0 | 0 |
| Trong đó: Hiệu trưởng | Người | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Phó hiệu trưởng | Người | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Giáo viên | Người | 2 | 2 | 0 | 0 | 0 |

**2.3. Chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ**

Tiếp tục duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi. Nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ đạt hiệu quả.

Tăng cường các điều kiện để nâng cao chất lượng thực hiện Chương trình GDMN. Thực hiện nghiêm túc, linh hoạt sáng tạo chương trình GDMN phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường;

Chuẩn bị các kỹ năng cần thiết, nhất là tiếng Việt đối với trẻ em người dân tộc thiểu số trước khi vào học lớp 1.

Tăng cường chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe trẻ của trường. Quản lý chặt chẽ chất lượng bữa ăn trưa cho trẻ tại trường, thực hiện nghiêm túc công tác VSATTP theo quy định hiện hành, nâng cao chất lượng bữa ăn. Trẻ đến trường được ăn đúng thực đơn, đủ lượng, đúng thời gian quy định.

Các nhóm lớp phải thường xuyên vệ sinh trong, ngoài lớp sạch sẽ, đồ dùng đồ chơi được lau chùi thường xuyên, sắp xếp gọn gàng, sạch sẽ; vệ sinh đồ dùng cá nhân của trẻ như: khăn mặt, cốc uống nước hàng ngày.

***Chỉ tiêu về chất lượng giáo dục từ năm 2016 đến 2020.***

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Năm học 2015- 2016** | **Quy mô đến năm 2020** | | | |
| **2016- 2017** | **2017-2018** | **2018-2019** | **2019-2020** |
| 1 | Tỷ lệ chuyên cần | 97% | 97% | 98% | 98% | 98% |
| 2 | Tỷ lệ bé sạch | 98% | 99% | 100% | 100% | 100% |
| 3 | Tỷ lệ bé ngoan | 98% | 99% | 100% | 100% | 100% |
| 4 | Trẻ đảm bảo an toàn thể chất, tinh thần | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% |
| 5 | Tỷ lệ trẻ ăn bán trú tại trường | 72% | 78% | 90% | 98% | 100% |
| 6 | Trẻ bình thường về cân nặng | 95% | 95% | 95,5% | 96% | 96% |
| 7 | Trẻ bình thường về chiều cao | 95% | 95% | 95,5% | 96% | 96% |
| 8 | Kết quả khảo sát từ khá trở lên | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% |
| 9 | Trẻ 5T hoàn thành chương trình | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% |
| 10 | GV dạy giỏi cấp trường | 10 | 13 | 14 | 15 | 17 |
| 11 | GV dạy giỏi cấp huyện | 3 | 3 | 4 | 4 | 5 |
| 12 | GV dạy giỏi cấp tỉnh | 0 | 1 | 0 | 0 | 0 |
| 13 | Tỷ lệ CBGV đạt LĐTT | 87% | 90% | 90% | 95% | 95% |
| 14 | Tỷ lệ CBGV đạt CSTĐCS | 15% | 15% | 15% | 15% | 15% |

**2.4. Nhu cầu cơ sở vật chất đến năm 2020**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Hạng mục - thiết bị** | **ĐV tính** | **Hiện có** | **Nhu cầu mua sắm đến năm 2020** | | | | | | | | | |
| **Năm 2016** | | **Năm 2017** | | **Năm 2018** | | **Năm 2019** | | **Năm 2020** | |
| *Số lượng* | *Thành tiền (Triệu đồng)* | *Số lượng* | *Thành tiền (Triệu đồng)* | *Số lượng* | *Thành tiền (Triệu đồng)* | *Số lượng* | *Thành tiền (Triệu đồng)* | *Số lượng* | *Thành tiền (Triệu đồng)* |
| **I. Xây dựng cơ bản** | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Diện tích đất | m2 | 10.191 | 10.191 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 2 | Diện tích bình quân /trẻ | m2 | 23.3 | 23.3 |  | 23.1 |  | 21 |  | 21 |  | 21 |  |
| 3 | Phòng học kiên cố | Phòng | 8 | 6 | 6000 | 1 | 1000 | 3 | 3000 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 4 | Phòng GD thể chất | Phòng | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 5 | Phòng GDNT | Phòng | 0 | 0 | 0 | 1 | 1000 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 6 | Phòng Hiệu trưởng | Phòng | 0 | 0 | 0 | 1 | 1000 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 7 | Phòng các PHT | Phòng | 0 | 0 | 0 | 1 | 1000 | 1 | 1000 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 8 | Văn phòng | Phòng | 0 | 0 | 0 | 1 | 1000 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 9 | Nhà bếp | m2 | 219 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 10 | Nhà vệ sinh đảm bảo tiêu chuẩn | Nhà | 7 | 6 | 1.200 | 2 | 400 | 3 | 600 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| **Tổng** | |  |  |  | **7,200** |  | **5,400** | **0** | **4,600** |  | **0** |  | **0** |
| **II. Thiết bị dạy học tối thiểu** | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Lớp mẫu giáo 3 - 4 tuổi | Bộ | 1 | 3 | 334,062 | 0 | 0 | 1 | 111,354 | 0 | 0 | 1 | 111,35 |
| 2 | Lớp mẫu giáo 4-5 tuổi | Bộ | 1 | 2 | 253,67 | 2 | 253.67 | 0 | 0 | 0 | 0 | 1 | 126,83 |
| 3 | Lớp mẫu giáo 5-6 tuổi | Bộ | 1 | 2 | 253,67 | 3 | 380,505 | 0 | 0 | 0 | 0 | 1 | 126,83 |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 | Số lượng đồ chơi ngoài trời | Chiếc | 2 | 11 | 183 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 4 | 75 |
| 5 | Số bộ đồ chơi ngoài trời | Bộ | 0 | 0 | 0 | 1 | 45 | 1 | 60 | 2 | 90 | 1 | 78 |
| 6 | Bộ liên hoàn lâu đài cầu trượt 2 xích đu | Bộ | 0 | 1 | 35 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 7 | Khu vui chơi liên hoàn 2 khối hình lâu đài | Khu | 0 | 1 | 35 | 1 | 35 | 0 | 0 | 0 | 0 | 1 | 35 |
| 8 | Khu vui chơi liên hoàn 3 khối đa năng | Khu | 0 | 0 | 0 | 1 | 60 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 9 | Bộ cầu trượt đa năng 1 khối | Bộ | 1 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 1 | 60 | 0 |  |
| 10 | Khu vui chơi liên hoàn 4 khối | Khu | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 1 | 78 |
| 11 | Vườn cổ tích | Bộ | 0 | 0 | 0 | 1 | 100 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 12 | Bộ đồ chơi phát triển vận động | Bộ | 0 | 0 | 0 | 1 | 38,984 | 0 | 0 | 0 | 0 | 1 | 38,984 |
| **Tổng** | |  |  |  | **1.094,402** |  | **913,159** |  | **171,354** |  | **150** |  | **669,91** |
| **III. Đồ dùng văn phòng** | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Bàn ghế làm việc phòng HT, PHT | Bộ | 0 | 1 | 6 | 1 | 6 | 0 | 0 | 1 | 6 | 0 | 0 |
| 2 | Tủ đựng hồ sơ | Chiếc | 1 | 2 | 10 | 3 | 15 | 3 | 15 | 5 | 25 | 2 | 10 |
| 3 | Bàn quầy văn phòng | Bộ | 0 | 0 | 0 | 1 | 70 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 4 | Bàn ghế tiếp khách | Bộ | 0 | 1 | 20 | 0 | 0 | 1 | 20 | 0 | 0 | 1 | 20 |
| 5 | Trang thiết bị phòng âm nhạc | Bộ | 0 | 0 | 0 | 1 | 70 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 6 | Trang thiết bị phòng GDTC | Bộ | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 1 | 50 | 0 | 0 | 0 | 0 |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 7 | Bàn ghế phòng hội trường | Bộ | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 25 | 100 | 0 | 0 |
| 8 | Trang thiết bị phòng y tế | Bộ | 0 | 0 | 0 | 1 | 30 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 9 | Trang thiết bị phòng bảo vệ | Bộ | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 1 | 20 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| **Tổng** | |  |  |  | **36** |  | **191** |  | **105** |  | **131** |  | **30** |
| **IV. Thiết bị dùng chung** | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Máy tính | Bộ | 2 | 1 | 11,785 | 5 | 58,928 | 5 | 58,928 | 5 | 58,928 | 3 | 35,355 |
| 2 | Máy chiếu | Chiếc | 1 | 1 | 30 | 2 | 60 | 5 | 150 | 5 | 150 | 4 | 120 |
| 3 | Thiết bị âm thanh (âm li, loa đài) | Bộ | 1 | 0 | 0 | 1 | 28 | 0 | 0 | 1 | 28 | 0 | 0 |
| 4 | Đàn oocgan | Chiếc | 1 | 1 | 30 | 2 | 60 | 2 | 60 | 1 | 30 | 1 | 30 |
| **Tổng** | |  |  |  | **71,785** |  | **206,928** |  | **268,928** |  | **266,928** |  | **185,355** |
| **IV. Đồ dùng bán trú** | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Tủ hấp cơm | Bộ | 1 | 0 | 0 | 1 | 0 | 1 | 15 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 2 | Tủ úp bát, xoong, nồi | Bộ | 0 | 1 | 17 | 0 | 0 | 0 | 0 | 1 | 17 | 0 | 0 |
| 3 | Tủ sấy bát, thìa | Chiếc | 0 | 1 | 17,4 | 0 | 0 | 1 | 17,4 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 4 | Tủ hấp khăn | Chiếc | 0 | 0 | 0 | 1 | 24,1 | 1 | 24,1 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 5 | Xe đẩy thức ăn | Chiếc | 1 | 1 | 38,4 | 0 | 0 | 0 | 0 | 1 | 38,4 | 1 | 38,4 |
| 6 | Máy xay thịt | Chiếc | 0 | 1 | 15 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 1 | 15 |
| 7 | Tủ lạnh | Chiếc | 0 | 1 | 10 | 0 | 0 | 0 | 0 | 1 | 10 | 0 | 0 |
| **Tổng** | |  |  |  | **97,8** |  | **24,1** |  | **56,5** |  | **65,4** |  | **53,4** |

**II. NHIỆM VỤ**

**1. Phát triển quy mô trường lớp**

Tập thể cán bộ giáo viên trong nhà trường cùng tạo dựng một môi trường giáo dục, học tập thân thiện với khẩu hiệu “Mỗi ngày đến trường là một ngày vui”.

CB-GV-NV trong nhà trường có nền nếp, kỷ cương, tình thương, trách nhiệm, cùng chung sức nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục, biết sáng tạo trong tổ chức các hoạt động, để mỗi trẻ đều được trải nghiệm, có cơ hội phát triển về tư duy và năng lực một cách toàn diện.

Tạo niềm tin với phụ huynh để phụ huynh yên tâm gửi con vào trường nhằm huy động tỷ lệ trẻ ra lớp đạt hiệu quả.

**2. Phát triển đội ngũ**

Thực hiện tốt công tác quy hoạch, xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu, có chất lượng cao, bảo đảm đủ các tiêu chuẩn về chính trị và chuyên môn theo quy định của Bộ GD&ĐT.

          Xây dựng môi trường sư phạm, bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên có phẩm chất đạo đức, chính trị tốt, đoàn kết, tâm huyết, gắn bó với nhà trường đồng nghiệp, hợp tác, giúp đỡ nhau cùng tiến bộ. Phấn đấu “*Mỗi thầy, cô giáo là một tấm gương về đạo đức và sáng tạo*” để trẻ noi theo**.**

***Quy định trách nhiệm từng bộ phận, cá nhân***

*- Hiệu trưởng:* Tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch chiến lược tới từng cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường. Thành lập Ban kiểm tra và đánh giá thực hiện kế hoạch trong từng năm học. Phát huy vai trò cuả nhà trường trong công tác xã hội hóa giáo dục, tham mưu với các cấp lãnh đạo đầu tư CSVC để nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục của nhà trường.

*- Phó Hiệu trưởng:* Theo nhiệm vụ được phân công, giúp Hiệu trưởng tổ chức triển khai từng phần việc cụ thể, đồng thời kiểm tra và đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch, đề xuất những giải pháp để nâng cao chất lượng giáo dục và thực hiện đúng kế hoạch đề ra.

*- Tổ trưởng chuyên môn*

 Căn cứ kế hoạch chiến lược, kế hoạch năm học của nhà trường để xây dựng kế hoạch công tác của tổ.

- Xây dựng kế hoạch hành động cụ thể (từng năm) của tổ, cần nêu rõ mục tiêu cần đạt, kết quả, thời gian và các nguồn lực thực hiện.

*- Giáo viên, nhân viên*: Căn cứ kế hoạch của tổ để xây dựng kế hoạch công tác cá nhân theo từng năm học. Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch đúng thời gian quy định, thông tin kịp thời những vướng mắc đưa ra các giải pháp để thực hiện hiệu quả kế hoạch phát triển chiến lược giáo dục nhà trường.

*- Các tổ chức đoàn thể: Công Đoàn, Đoàn thanh niên CSHCM, Hội phụ nữ, Hội chữ thập đỏ, Ban đại diện CMHS....*

Xây dựng kế hoạch thực hiện và tuyên truyền, vận động các thành viên của đoàn thể, tổ chức mình thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao, góp ý với nhà trường để điều chỉnh, bổ sung các giải pháp phù hợp nhằm thực hiện tốt Kế hoạch phát triển nhà trường.

**3. Nâng cao chất lượng giáo dục**

Triển khai đến CBVC ký cam kết và thực hiện tốt các phong trào, các cuộc vận động do ngành phát động, thường xuyên kiểm tra theo dõi và nhắc nhở CBGVNV nhà trường hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

 Thực hiện tốt các hoạt động giáo dục nhằm xây dựng từng bước hoàn thiện “*Trường học thân thiện, học sinh tích cực*”.

Tổ chức tốt các hoạt động sinh hoạt ngoại khóa theo kế hoạch và quy định của trường, của ngành. Triển khai đến giáo viên thực hiện việc lồng ghép, tích hợp các nội dung giáo dục kỹ năng sống, lồng ghép nội dung giáo dục An toàn giao thông, bảo vệ môi trường… đưa nội dung “*Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh*” vào các hoạt động giáo dục. Nâng cao hiệu quả chăm sóc- giáo dục trẻ. Thực hiện đổi mới phương pháp dạy học lấy trẻ làm trung tâm và đánh giá trẻ theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động sáng tạo của từng trẻ.

         Thực hiện đánh giá chất lượng mầm non theo Thông tư 25/2014/TT-BGDĐT ban hành ngày 07/08/2014: Ra quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá, xây dựng kế hoạch và phân công nhiệm vụ cho từng thành viên trong Hội đồng tự đánh giá thực hiện theo kế hoạch đề ra. Thu thập đầy đủ các nguồn thông tin làm minh chứng cho từng tiêu chí và có mã hóa đầy đủ.

  Theo dõi, kiểm tra đánh giá chất lượng công tác quản lý, công tác chăm sóc giáo dục trẻ.

**4. Xây dựng cơ sở vật chất**

Thực hiện xây dựng cơ sở vật chất nhà trường dựa vào các nguồn lực được đầu tư, các nguồn huy động từ công tác xã hội hóa giáo dục để đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm các trang thiết bị, đồ dùng đồ chơi phục vụ cho công tác chăm sóc, giáo dục trẻ, đảm bảo các điều kiện theo quy định trường chuẩn quốc gia mức độ 2.

Quản lý và sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất để phục vụ cho hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ và các hoạt động giáo dục khác. Thường xuyên kiểm tra, thống kê thiết bị, đồ dùng dạy học, phân loại các đồ dùng hư hỏng để sửa chữa, thanh lý và có kế hoạch mua sắm bổ sung.

Lưu trữ các hồ sơ, sổ sách về cơ sở vật chất đầy đủ và khoa học.

**III. GIẢI PHÁP**

**1. Quy mô trường lớp**

          Nhà trường chủ động tham mưu với các cấp Ủy đảng, chính quyền địa phương và phối hợp các Ban ngành đoàn thể đề xuất những biện pháp cụ thể nhằm thực hiện chủ trương và kế hoạch phát triển giáo dục địa phương

Tuyên truyền sâu rộng tới các bậc cha mẹ trẻ nhằm nâng cao nhận thức của các bậc cha mẹ và cộng đồng về vị trí, vai trò thực sự của giáo dục mầm non, sự cần thiết của việc cho trẻ đến trường đúng độ tuổi. Từ đó tỷ lệ trẻ ra lớp sẽ được nâng lên.

Trực tiếp chỉ đạo giáo viên chủ nhiệm các nhóm lớp xây dựng góc tuyên truyền với nhiều nội dung phong phú thu hút sự quan tâm của các bậc phụ huynh, trong đó không thể thiếu nội dung tuyên truyền về công tác bán trú, những lời khuyên dinh dưỡng hợp lý, lợi ích của việc ăn uống khoa học đối với sức khỏe trẻ... để các bậc phụ

huynh thấy được lợi ích của việc cho con ăn bán trú tại trường.

Thường xuyên trao đổi thông tin với cha mẹ trẻ về tình hình trẻ ăn bán trú tại trường, cung cấp thêm cho phụ huynh những lời khuyên dạy con theo khoa học, chế độ ăn đảm bảo đủ chất dinh dưỡng đặc biệt là các phụ huynh có con bị suy dinh dưỡng ở các thể. Để từ đó chất lượng bữa ăn cũng như số lượng trẻ ăn bán trú của trường được nâng lên.

**2. Đội ngũ**

Tổ chức bồi dưỡng thường xuyên về lý luận chính trị và chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ giáo viên, nhân viên. Tạo điều kiện thuận lợi cho giáo viên học tập và đóng góp ý kiến xây dựng nhà trường.

Rà soát trình độ chuyên môn nghiệp vụ, năng lực sư phạm của giáo viên. Động viên khuyến khích, tạo điều kiện cho giáo viên chưa có trình độ ngoại ngữ, tin học tự học để nâng cao trình độ.

  Bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên bằng nhiều hình thức: Dự giờ, hội giảng, tổ chức hoạt động mẫu, hội thi giáo viên giỏi, học hỏi trường bạn, trao đổi học tập kinh nghiệm… Phát động các phong trào thi đua dạy tốt, học tốt có phần thưởng khích lệ và góp ý rút kinh nghiệm để giáo viên khắc phục những tồn tại và phát huy thành tích đạt được.

          Thường xuyên bồi dưỡng lực lượng cán bộ kế cận và lực lượng cốt cán của nhà trường thông qua thực tiễn công tác và tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng do cấp trên tổ chức.

Tổ chức đánh giá, xếp loại cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên theo các chuẩn đã được ban hành.

          Thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường, công bằng trong phê bình, thi đua khen thưởng, giải quyết những vướng mắc trong nội bộ CBGVNV trên cơ sở bình đẳng. Giải quyết kịp thời và đầy đủ các chế độ chính sách cho cán bộ giáo viên, tạo điều kiện cho cán bộ giáo viên yên tâm công tác.

**3. Chất lượng giáo dục**

Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường về vai trò, vị trí và sự cần thiết phải đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp của tập thể sư phạm đối với sự nghiệp phát triển nhà trường.

          Thực hiện tốt quy chế phối hợp giữa nhà trường với các tổ chức đoàn thể. Tăng cường kiểm tra các hoạt động chuyên môn trong nhà trường. Đẩy mạnh hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, nâng cao hiệu quả quản lý và công khai hóa, minh bạch hoạt động giáo dục của nhà trường.

          Tiếp tục triển khai các chuyên đề về đổi mới phương pháp tổ chức các hoạt động giáo dục “Lấy trẻ làm trung tâm”, kiểm tra đánh giá nhằm khắc phục những hạn chế sớm tạo ra được sự chuyển biến cụ thể về chất lượng giáo dục, hiệu quả đào tạo của nhà trường; Tiếp tục thực hiện chương trình GDMN và Bộ chuẩn phát triển trẻ năm tuổi;tăng cường hơn nữa việc chuẩn bị Tiếng Việt cho trẻ em dân tộc thiểu số.

Bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho giáo viên bằng nhiều biện pháp: Tạo điều kiên cho giáo viên tham gia học nâng cao trình độ chuyên môn trên chuẩn, dự các lớp tập huấn, bồi dưỡng hè, tham gia sinh hoạt cụm. Tổ chức tham quan học tập, dự giờ các đơn vị trường bạn trong huyện, ngoài huyện. Tổ chức và tham gia hội thi giáo viên dạy giỏi các cấp, các hoạt động mẫu...

Đi sâu bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên. Phấn đấu 80% giáo viên đạt tốt, không có giáo viên đạt yêu cầu.

Thường xuyên kiểm tra việc thực hiện chế độ sinh hoạt trong ngày, thực hiện chương trình giáo dục MN để nâng cao hiệu quả chăm sóc giáo dục trẻ.

Quan tâm xây dựng môi trường giáo dục phát triển vận động và nâng cao chất lượng tổ chức các hoạt động giáo dục phát triển vận động cho trẻ phù hợp với điều kiện thực tiễn của nhà trường.

Tổ chức các hoạt động giáo dục theo hướng*“Lấy trẻ làm trung tâm”*, phát huy tính tính cực, chủ động, sáng tạo của trẻ.

Tổ chức thực hiện đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, vệ sinh môi trường, đảm bảo đủ nước uống, nước sạch trong trường học.

Trẻ được khám sức khỏe định kỳ. Đảm bảo an toàn tuyệt đối thể chất và tinh thần cho trẻ, phòng chống các dịch bệnh, không để lây lan trong trường.

**4. Xây dựng cơ sở vật chất**

Tham mưu với UBND huyện, Phòng GD-ĐT đầu tư cơ sở vật chất: Đảm bảo các phòng học, các phòng chức năng, trang thiết bị giáo dục... đúng theo quy định Điều lệ trường mầm non và đủ theo quy định trường Mầm non đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2.

Trang bị đầy đủ thiết bị đồ dùng, đồ chơi theo quy định Thông tư 02/2010, Bổ sung đàn, máy tính, phần mềm trò chơi…tạo điều kiện cho cô và trẻ tổ chức tốt các hoạt động giáo dục.

         Quy hoạch môi trường bên ngoài cải tạo sân chơi, tạo nhiều khu vực cho trẻ hoạt động như Vườn cổ tích, khu phát triển thể chất, khu trải nghiệm khám phá,  vườn rau, vườn cây thuốc nam, vườn hoa, đầu tư các đồ chơi ngoài trời để cho trẻ vui chơi học tập.

  Huy động các nguồn lực xã hội thực hiện xã hội hóa đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ dạy và học.

Thực hiện tốt Websise nhà trường, cung cấp các thông tin về hoạt động giáo dục thông qua các hội nghị, diễn đàn ...

Khuyến khích giáo viên tích cực tham gia vào các sự kiện, các hoạt động của cộng đồng và của ngành.

Đẩy mạnh tuyên truyền, phát huy truyền thống nhà trường, nêu cao tinh thần trách nhiệm của mỗi thành viên đối với quá trình xây dựng và phát triển của nhà trường.

**IV. KINH PHÍ**

**1. Thống kê kinh phí từng năm**

Căn cứ nhu cầu xây dựng cơ bản, nhu cầu bổ sung trang thiết bị dạy học, đồ dùng

văn phòng, đồ dùng bán trú, nhà trường tổng hợp kinh phí cho từng năm trong tổng

giai đoạn 2016-2020 như sau:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Danh mục** | **Kinh phí (triệu đồng)** | | | | |
| **Năm 2016** | **Năm 2017** | **Năm 2018** | **Năm 2019** | **Năm 2020** |
| 1 | Xây dựng cơ bản | 7,200 | 5,400 | 4,600 | 0 | 0 |
| 2 | Thiết bị dạy học tối thiểu | 1,094.402 | 913.159 | 171.354 | 150 | 669.91 |
| 3 | Đồ dùng văn phòng | 36 | 191 | 105 | 131 | 30 |
| 4 | Thiết bị dùng chung | 71.785 | 206.928 | 268.928 | 266.928 | 185.355 |
| 5 | Đồ dùng bán trú | 97.7 | 24.1 | 56.5 | 65.4 | 53.4 |
| **Tổng** | | **8,201.525** | **6,735.187** | **5,201.782** | **613.328** | **968.665** |

Tổng kinh phí cho cả giai đoạn: 21,720.187.000đ (Hai mươi mốt tỷ bảy trăm hai mươi triệu đồng một trăm tám bảy nghìn)

*Trong đó:*

- Nguồn ngân sách được đầu tư: 14.720.000.000đ

- Huy động từ các nguồn lực khác: 7.000.000.000đ

**2. Giải pháp thực hiện**

Ngay từ đầu mỗi năm nhà trường tiến hành xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ đưa ra tập thể để được bàn bạc, thống nhất.

Thực hiện đúng Nghị định 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 về quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

Thực hiện công khai tài chính của trường theo đúng quy định, lưu giữ tốt các loại hồ sơ chứng từ.

Huy động nguồn tài chính từ các nguồn: Ngân sách nhà nước, vận động nhân dân và cha mẹ học sinh.

Tranh thủ sự đầu tư, ủng hộ của các doanh nghiệp, tổ chức chính trị-xã hội đóng trên địa bàn.

Tiến hành thực hiện theo đúng nguyên tắc tài chính. Thường xuyên kiểm tra việc thực hiện thu chi các nguồn; công khai tài chính theo quy định.

Tuyên truyền, vận động phụ huynh thường xuyên phối hợp hỗ trợ nhà trường trong mọi hoạt động. Bàn bạc thống nhất và theo dõi thu chi các khoản thu hộ của Ban đại diện cha mẹ học sinh.

Huy động các nguồn lực xã hội khác như: Doanh nghiệp tư nhân, các tổ chức cá nhân… hỗ trợ kinh phí trang bị thêm một số trang thiết bị, đồ dùng học tập cho trẻ.

**V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**1.1. Phổ biến kế hoạch**

Kế hoạch phát triển giáo dục trường mầm non Hoa Sen giai đoạn 2016 - 2020 được phổ biến rộng rãi tới toàn thể cán bộ giáo viên, nhân viên nhà trường, cơ quan cấp trên, Đảng, Chính quyền địa phương, cha mẹ học sinh, học sinh và các tổ chức cá nhân quan tâm đến nhà trường.

**1.2. Xây dựng lộ trình**

**\* Giai đoạn 2016-2018**

Triển khai kế hoạch đến toàn thể cán bộ, giáo viên, viên chức. Báo cáo lên cơ quan cấp trên để xin ý kiến chỉ đạo.

Xây dựng Kế hoạch thực hiện chi tiết các nội dung đề ra trong năm học.

Hoàn thành cơ bản xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ, tiếp tục tham mưu đầu tư xây mới nhà điều hành, dãy nhà lớp học, các phòng chức năng; bổ sung trang thiết bị

Tổ chức vận động 85% phụ huynh cho học sinh ăn bán trú theo tinh thần cha mẹ học sinh tự nguyện đăng ký.

Từng bước xây dựng các tiêu chí của chuẩn Quốc gia mức độ 1.

**\* Giai đoạn 2018-2020**

Xây dựng Kế hoạch thực hiện chi tiết các nội dung đề ra trong năm học.

Hoàn thiện xây dựng cơ bản, sân vườn, nhà bảo vệ, nhà để xe, các thiết bị dạy học, các đồ chơi ngoài trời...

Hoàn thành các tiêu chí của chuẩn Quốc gia mức độ 2.

**1.3. Phân công trách nhiệm từng bộ phận, cá nhân**

**Hiệu trưởng**

 Xây dựng quy hoạch phát triển nhà trường. Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục năm học; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước Hội đồng trường và Phòng Giáo dục và Đào tạo.

  Thành lập các tổ chuyên môn, và các hội đồng tư vấn trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó.

  Phân công, quản lý, đánh giá, xếp loại; tham gia quá trình tuyển dụng, thuyên chuyển; khen thưởng, thi hành kỷ luật đối với giáo viên, nhân viên theo quy định. Quản lý và sử dụng có hiệu quả các nguồn tài chính, tài sản của nhà trường.

  Tiếp nhận trẻ em, quản lý trẻ em và các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em của nhà trường; quyết định khen thưởng, phê duyệt kết quả đánh giá trẻ theo các nội dung nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định.

  Thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, xã hội hóa giáo dục, phát huy vai trò của nhà trường đối với cộng đồng.

  Thực hiện Nghị quyết của Hội đồng và các chủ trương chính sách của Đảng, nhà nước, của ngành. Phổ biến các Chủ trương, chính sách, văn bản của ngành cấp trên kịp thời đến tập thể sư phạm nhà trường.

**Phó hiệu trưởng**

Giúp Hiệu trưởng phụ trách chuyên môn, quản lý công tác bán trú, theo dõi tài sản, cơ sở vật chất trong trường; công tác phổ cập GD, Y tế HĐ, ATGT, báo cáo thống kê, CNTT, các cuôc thi do các cấp tổ chức …..Thực hiện hồ sơ, sổ sách đầy đủ theo quy định. Thay mặt Hiệu trưởng điều hành các hoạt động của trường khi được Hiệu trưởng ủy quyền.

**Tổ trưởng chuyên môn**

  Xây dựng kế hoạch hoạt động chung của tổ theo tuần, tháng, năm.

Thực hiện bồi dưỡng chuyên môn, kiểm tra, đánh giá chất lượng công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

Quản lý sử dụng tài liệu, đồ dùng, đồ chơi, thiết bị giáo dục của các thành viên trong tổ theo kế hoạch của nhà trường.

Tham gia đánh giá, xếp loại giáo viên theo Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non; đề xuất khen thưởng, kỷ luật giáo viên.

Chủ trì sinh hoạt Tổ chuyên môn.Đề xuất xếp loại cán bộ, giáo viên, tổ viên hàng năm. Tập hợp các ý kiến tổ viên góp ý xây dựng hoạt động nhà trường. Quản lý tổ chuyên môn hoàn thành trách nhiệm của tổ.

Chấp hành và thực hiện tốt các hoạt động dân chủ tổ mình phụ trách.

**Giáo viên**

Thực hiện công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em theo chương trình giáo dục mầm non: lập kế hoạch, tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ; xây dựng môi trường giáo dục; đánh giá và quản lý trẻ em tham gia các hoạt động của tổ chuyên môn, của nhà trường.

Tuyên truyền phổ biến kiến thức khoa học nuôi dạy trẻ em cho cha mẹ trẻ. Chủ động phối hợp với gia đình trẻ để thực hiện mục tiêu giáo dục trẻ em**.**

Tham gia các hoạt động của nhà trường như: Công tác phổ cập giáo dục , bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, thực hiện nghĩa vụ công dân, các quy định của pháp luật, các quy định của Hiệu trưởng; nhận nhiệm vụ do Hiệu trưởng phân công, chịu sự kiểm tra của Hiệu trưởng và các cấp quản lí giáo dục; chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng về chất lượng và hiệu quả công tác giáo dục của nhóm lớp; giữ gìn phẩm chất, danh dự, uy tín của nhà giáo; gương mẫu, thương yêu, tôn trọng trẻ, thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

Thực hiện các nhiệm vụ và quyền của nhà giáo theo qui định của Luật giáo dục và Điều lệ trường MN.

Tham gia ý kiến xây dựng nhà trường như Kế hoạch phát triển nhà trường – Xâydựng cơ sở vật chất – Cảnh quan nhà trường – Các biện pháp thi đua – Các nội qui, qui chế – báo cáo sơ kết, tổng kết của nhà trường.

**Kế toán + Văn thư**

Quản lý hồ sơ kế toán nhà trường.

Tham mưu xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ; lập dự toán, quyết toán kinh phí sự nghiệp. Lập kế hoạch tu sửa, mua sắm tài sản của trường.

Báo cáo đầy đủ và kịp thời các chế độ chính sách cho CBVC của trường. Thực hiện các loại hồ sơ, sổ sách theo quy định.

  Tính phần mềm dinh dưỡng Nutrikids cân đối đủ chất và lượng. Theo dõi, kiểm tra tiếp phẩm hàng ngày.

Thực hiện nhiệm vụ Văn thư-Lưu trữ của trường; tổng hợp công văn đi, đến trình lãnh đạo duyệt và chuyển đến các bộ phận chức năng thực hiện.

           Lưu trữ công văn đi, đến, đánh máy văn bản, trực điện thoại của cơ quan.

           Quản lý con dấu nhà trường; dấu Công đoàn và sử dụng các loại dấu đúng theo quy định của pháp luật. Đóng dấu các văn bản và các hồ sơ theo quy định.

           Hoàn thành các báo cáo, biểu mẫu khi BGH giao. Quản lý hồ sơ các cháu và bàn giao đúng thời gian. Thực hiện hồ sơ, sổ sách theo quy định.

**Y tế**

           Xây dựng kế hoạch hoạt động y tế trường học theo tuần, tháng, năm. Thực hiện hồ sơ sổ sách về y tế trường học theo quy định. Tổ chức tuyên truyền phòng, chống dịch bệnh.

           Tham gia kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm. Tập huấn về công tác y tế học đường…

           Theo dõi sức khỏe trẻ, có kế hoạch tuyên truyền công tác vệ sinh, phòng chống các bệnh, tai nạn thương tích thường gặp trong công tác CSGD trẻ.

          Tham mưu Hiệu trưởng công tác khám sức khỏe định kỳ cho trẻ 2lần/năm. Theo dõi mua và cấp phát thuốc và các loại bông băng cho các lớp xử lý tai nạn theo quy định trong trường mầm non.

**Thủ quỹ**

Thực hiện đầy đủ các loại hồ sơ, sổ sách theo quy định.

  Hàng ngày, tuần, tháng thu, chi tiền ăn theo quy định, nội quy của trường, cấp trên. Quyết toán thu, chi hàng tháng, sổ sách cập nhật kịp thời, lưu trữ đầy đủ khoa học. Quản lý tốt các loại quỹ của nhà trường.

**Cấp dưỡng**

          Thực hiện đúng thực đơn, chế biến thực phẩm đảm bảo đủ số lượng, chất lượng. Thực hiện đúng quy trình bếp một chiều, đảm bảo VSATTP không có dịch bệnh lây lan trong trường. Thực hiện vệ sinh nhà bếp theo lịch phân công.

**Bảo vệ**

          Bảo vệ bảo quản tài sản nhà trường, thực hiện nhiệm vụ khi được BGH yêu cầu. Trực ban đêm và các ngày nghỉ: Thứ bảy, chủ nhật, ngày lễ, tết... Mở,

đóng cửa các lớp học, cổng trường đầu giờ, cuối buổi học và các ngày lễ, hội..

          Trực trường từ 17h00 đến 6h30 sáng hôm sau hàng ngày. Riêng thứ bảy, chủ nhật, những ngày nghỉ lễ, tết, hè...trực 24/24h**.**

**Các tổ chức đoàn thể trong nhà trường:**

Hằng năm xây dựng chương trình hành động thực hiện các nội dung liên

quan trong Kế hoạch phát triển nhà trường.

Tuyên truyền, vận động các thành viên của đoàn thể, tổ chức mình thực hiện tốt các nội dung và giải pháp trên, góp ý với nhà trường để điều chỉnh, bổ sung các giải pháp phù hợp nhằm thực hiện tốt Kế hoạch phát triển nhà trường.

**4. Giám sát và đánh giá kết quả**

           Thực hiện công tác tự kiểm tra, giám sát, đánh giá từng học kỳ thường xuyên hằng năm và tự rút ra những gì làm được, chưa làm được, tìm hiểu nguyên nhân và đưa ra biện pháp, phương hướng khắc phục. Sau kết thúc mỗi giai đoạn cần rút ra bài học kinh nghiệm và có hướng điều chỉnh bổ sung thực hiện cho hoàn thiện giai đoạn trước.

          Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định.

**VI. KIẾN NGHỊ**

**1. Đối với Huyện ủy, UBND huyện**

Quan tâm đầu tư các nguồn vốn xây dựng cơ sở vật chất trường MN Hoa Sen theo lộ trình đã đề ra.

Quan tâm quy hoạch, đào tạo, bổ nhiệm cán bộ quản lý, phê duyệt, tuyển dụng đội ngũ đảm bảo cơ cấu cho nhà trường.

**2. Đối với Phòng Giáo dục và Đào tạo**

Thường xuyên quan tâm theo dõi chỉ đạo, hỗ trợ nhà trường hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ theo mục tiêu đã đề ra.

Tạo điều kiện cho cán bộ quản lý, giáo viên tham gia học các lớp bồi dưỡng quản lý giáo dục; Tổ chức các chuyên đề, bồi dưỡng nghiệp vụ cho CBQL và giáo viên.

**3. Đối với chính quyền địa phương**

Quan tâm chỉ đạo công tác xã hội hóa giáo dục tại địa phương để giúp cho toàn xã hội xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh thống nhất, phụ huynh học sinh có ý thức trách nhiệm đối với việc chăm sóc, giáo dục trẻ.

Cấp ủy, chính quyền địa phương, hội đồng giáo dục quan tâm giúp đỡ nhà trường về cơ sở vật chất trường học, tạo nguồn vốn đối ứng, chủ đầu tư những hạng mục lớn; bảo vệ an ninh trật tự, tuyên truyền công tác giáo dục đạo đức học sinh qua hệ thống thông tin đại chúng.

Trên đây là Kế hoạch phát triển trường mầm non Hoa Sen giai đoạn 2016-2020 đã được thông qua Chi bộ Đảng, Hội đồng trường và tập thể Hội đồng sư phạm nhà trường. Các tổ chức, cá nhân có liên quan nghiên cứu, thực hiện kế hoạch, nếu có khó khăn vướng mắc có ý kiến đề nghị để nhà trường điều chỉnh kịp thời./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Phòng GD&ĐT;  - Đảng ủy, HĐND, UBND xã Đồng Tĩnh,  - BGH, Các đoàn thể, bộ phận;  - Lưu: VT. | **HIỆU TRƯỞNG**  **Đỗ Thị Hiên** |